

Số: 4898/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2024 - 2025
cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022, 2023, 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4034/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2252/QĐ-ĐHHN ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các chương trình đào tạo của Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 1388/TB-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy học kỳ II năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và Trường phòng Tài chính Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2024 - 2025 cho 637 sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022, 2023, 2024 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức học bổng được quy định tại Thông báo số 361/TB-ĐHHN ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng các phòng: Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Quản lý đào tạo, Tài chính - Kế toán, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV&QHDN.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

CHO SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY KHÓA 2022, 2023, 2024

(Kèm theo Quyết định số **4898** /QĐ-ĐHHN, ngày **26** tháng **11** năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

1. Ngành ngôn ngữ Bồ Đào Nha

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
1	2207100020	Luyện Thị Thùy Duyên	1B-22	3.62	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207100004	Đinh Việt Anh	2B-22	3.52	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
3	2207100031	Nguyễn Hương Ly	1B-22	3.38	94	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
4	2207100008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2B-22	3.33	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
5	2307100079	Nguyễn Xuân Ngọc Tú	1B-23	3.57	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	15,290,000
6	2307100004	Nguyễn Diệu Anh	1B-23	3.43	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
7	2307100026	Lưu Thúy Hằng	1B-23	3.00	82	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
8	2307100075	Ngô Thị Diệu Trang	1B-23	2.94	84	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
9	2307100081	Lưu Thị Hồng Vân	1B-23	2.94	83	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
10	2407100078	Bùi Tiến Đạt	2B-24	3.84	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
11	2407100061	Lê Vương Anh	1B-24	3.75	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
12	2407100079	Nguyễn Quang Tiến	2B-24	3.58	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
13	2407100044	Đỗ Phương Thảo	1B-24	3.33	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,500,000
14	2407100013	Trần Hà Phương	2B-24	3.33	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000

2. Ngành ngôn ngữ Tây Ban Nha

1	2207080097	Bùi Phương Uyên	1TB-22	3.77	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207080005	Đinh Huyền Anh	1TB-22	3.59	87	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	15,290,000
3	2207080051	Vũ Hoàng Lê	1TB-22	3.56	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
4	2207080052	Vũ Kiều Liên	1TB-22	3.54	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
5	2107080032	Phạm Thị Thu Hiền	2TB-22	3.53	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
6	2207080056	Ngô Phương Linh	2TB-22	3.52	97	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
7	2207080036	Phạm Thái Hà	1TB-22	3.52	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
8	2307080110	Vũ Ngọc Trung Hiếu	1TB-23	3.73	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
9	2307080068	Hoàng Vũ Thảo Nguyên	1TB-23	3.70	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
10	2307080085	Trần Minh Sơn	1TB-23	3.61	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
11	2307080104	Phạm Thảo Vân	2TB-23	3.46	96	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
12	2307080109	Lê Anh Tuấn	3TB-23	3.44	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
13	2307080031	Phạm Khánh Huyền	2TB-23	3.39	79	Khá	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2307080051	Trần Thị Khánh Linh	3TB-23	3.34	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
15	2307080084	Lê Quang Sang	1TB-23	3.34	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2407080079	Nguyễn Tổng Khôi Nguyên	1TB-24	3.86	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
17	2407080029	Dương Minh Tâm	2TB-24	3.75	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
18	2407080109	Nguyễn Vũ Duy Khánh	3TB-24	3.60	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
19	2407080088	Nguyễn An Phước	3TB-24	3.56	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000
20	2407080042	Cao Thị Ngọc Anh	1TB-24	3.51	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
21	2407080094	Đinh Yến Nhi	1TB-24	3.50	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
22	2407080056	Nguyễn Đức Toàn	1TB-24	3.49	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,500,000
23	2407080017	Nguyễn Hà Dương	3TB-24	3.36	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000

3. Ngành ngôn ngữ Đức

1	2207050039	Nguyễn Hiền Hậu	4Đ-22	3.95	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207050082	Vũ Thị Kim Ngân	4Đ-22	3.94	80	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207050086	Nguyễn Quang Nhất	4Đ-22	3.93	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
4	2107050135	Trần Phương Uyên	3Đ-22	3.85	78	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
5	2207050085	Ngô Minh Nguyệt	2Đ-22	3.78	78	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
6	2207050005	Lương Quỳnh Anh	4Đ-22	3.76	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
7	2107050102	Phạm Thị Khánh Sơn	3Đ-22	3.73	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
8	2107050089	Tạ Đào Phương Nhi	4Đ-22	3.71	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
9	2307050108	Hoàng Thị Nho	3Đ-23	3.89	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
10	2407050013	Hoàng Minh Dương	4Đ-23	3.80	79	Khá	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
11	2307050097	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	2Đ-23	3.65	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
12	2307050114	Nguyễn Hà Phương	4Đ-23	3.62	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
13	2307050038	Vũ Linh Chi	3Đ-23	3.59	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2307050027	Bùi Gia Bảo	3Đ-23	3.56	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
15	2307050024	Nguyễn Thị Minh Ánh	4Đ-23	3.53	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2307050149	Nguyễn Thị Hải Yến	2Đ-23	3.50	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
17	2307050054	Nguyễn Thị Hậu	4Đ-23	3.50	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
18	2307050058	Hoàng Thị Minh Hoàn	3Đ-23	3.50	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
19	2407050143	Nguyễn Phương Anh	1Đ-24	3.90	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
20	2407050060	Lê Thùy Dương	3Đ-24	3.69	80	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
21	2407050076	Đỗ Trần Huyền My	2Đ-24	3.67	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
22	2407050051	Nguyễn Thị Vân Anh	3Đ-24	3.65	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
23	2407050105	Phạm Diệu Anh	2Đ-24	3.63	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
24	2407050140	Ngô Thị Kim Tuyến	2Đ-24	3.60	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
25	2407050114	Nguyễn Phương Thùy	3Đ-24	3.57	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
26	2407050095	Phạm Thị Thanh Thúy	2Đ-24	3.57	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
27	2407050119	Bùi Thảo Vy	4Đ-24	3.54	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000

4. Ngành ngôn ngữ Italia

1	2207090050	Nguyễn Linh Nga	2I-22	3.71	98	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207090078	Nguyễn Thị Yến	2I-22	3.71	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
3	2207090011	Phạm Ngọc Ánh	2I-22	3.67	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
4	2207090032	Vũ Lan Hương	1I-22	3.64	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
5	2207090035	Nguyễn Thị Mai Lan	1I-22	3.51	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
6	2307090062	Vũ Phương Thảo	1I-23	3.72	87	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
7	2307090003	Ngô Thị Phương Anh	2I-23	3.70	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
8	2307090005	Tô Đức Anh	1I-23	3.60	98	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
9	2307090024	Cao Phúc Bảo Hiền	1I-23	3.59	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
10	2307090067	Bùi Thu Trang	2I-23	3.53	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
11	2407090078	Võ Anh Tuấn	2I-24	4.00	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
12	2407090004	Trần Thu Hường	2I-24	3.88	100	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
13	2407090036	Lê Thị Thùy Linh	1I-24	3.77	99	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
14	2407090064	Nguyễn Thị Ngân	2I-24	3.61	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
15	2407090031	Nguyễn Thảo Vân	1I-24	3.48	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000

5. Ngành ngôn ngữ Italia chất lượng cao

1	2207190062	Phan Thị Khánh Vy	2I-22C	3.62	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
2	2207190029	Thạch Thị Hoa	1I-22C	3.58	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,000,000
3	2207190012	Nguyễn Thị Vân Anh	2I-22C	3.42	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,000,000
4	2307190049	Nguyễn Bích Như	2I-23C	3.86	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	20,400,000
5	2307190018	Nguyễn Tất Hiệu	1I-23C	3.69	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
6	2307190067	Nguyễn Ngọc Lan Vy	2I-23C	3.61	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
7	2307190046	Đỗ Hải Nhi	1I-23C	3.60	99	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
8	2307190041	Vũ Trà My	2I-23C	3.42	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000

6. Ngành ngôn ngữ Italia tiên tiến

1	2407290026	Trương Hoàng Minh	1I-24TT	3.73	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	19,250,000
2	2407290036	Nguyễn Thị Thảo	1I-24TT	3.18	82	Tốt	Khá	0	Khá	17,500,000
3	2407290074	Nguyễn Thị Mai Anh	2I-24TT	3.17	84	Tốt	Khá	0	Khá	17,500,000
4	2407290071	Hoàng Quỳnh Như	2I-24TT	3.05	81	Tốt	Khá	0	Khá	17,500,000
5	2407290054	Nguyễn Thị Phương Diễm	2I-24TT	3.00	89	Tốt	Khá	0	Khá	17,500,000

7. Ngành ngôn ngữ Nga

1	2207020038	Phan Thùy Dương	4N-22	3.66	85	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
2	2207020115	Đinh Công Tài	4N-22	3.65	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207020091	Hà Thị Như Ngọc	4N-22	3.65	82	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
4	2207020118	Trần Bá Tùng	5N-22	3.63	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
5	2207020146	Nguyễn Thu Trang	3N-22	3.63	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
6	2207020060	Hoàng Thị Hường	3N-22	3.60	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
7	2207020098	Vũ Thị Thu Nhân	1N-22	3.56	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
8	2307020097	Nguyễn Phương Linh	4N-23	3.48	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	15,290,000
9	2307020025	Trần Thị Lan Ánh	2N-23	2.97	87	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
10	2307020153	Phạm Thị Trang	5N-23	2.88	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
11	2307020124	Phạm Minh Ngọc	4N-23	2.88	76	Khá	Khá	0	Khá	13,900,000
12	2307020052	Nguyễn Thị Thúy Hà	1N-23	2.72	84	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
13	2307020162	Trần Phương Uyên	1N-23	2.71	79	Khá	Khá	0	Khá	13,900,000
14	2307020112	Vũ Thị Ngọc Mai	4N-23	2.57	79	Khá	Khá	0	Khá	13,900,000
15	2407020050	Đỗ Thị Minh Phương	2N-24	3.65	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
16	2407020099	Đàm Thị Diễm	4N-24	3.62	89	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
17	2407020079	Nguyễn Khánh Ly	1N-24	3.58	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000
18	2407020105	Đỗ Khánh Ly	1N-24	3.55	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
19	2407020143	Lê Vũ Duy	1N-24	3.50	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
20	2407020021	Nguyễn Như Quỳnh	3N-24	3.45	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
21	2407020064	Lê Thị Ánh Ngọc	2N-24	3.43	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
22	2407020131	Bùi Thị Lan Anh	1N-24	3.42	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
23	2407020025	Nguyễn Thị Diệu Vi	3N-24	3.42	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
24	2407020049	Vũ Thùy Linh	4N-24	3.42	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000

8. Ngành ngôn ngữ Pháp

1	2207030112	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	4P-22	3.79	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207030120	Trần Hà Vy	1P-22	3.78	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207030006	Lâm Thực Anh	4P-22	3.73	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
4	2207030111	Vũ Thị Huyền Trang	4P-22	3.71	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
5	2207030118	Mai Thúy Vân	1P-22	3.66	82	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
6	2207030050	Nguyễn Thị Liễu Hằng	2P-22	3.64	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
7	2207030093	Đặng Thị Hồng Quyên	4P-22	3.62	87	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
8	2207030095	Đỗ Thanh Tâm	4P-22	3.59	95	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
9	2307030060	Lê Thành Lập	2P-23	3.89	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
10	2307030023	Nguyễn Phương Chi	4P-23	3.68	77	Khá	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
11	2307030130	Đỗ Huyền Phương	4P-23	3.67	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
12	2307030089	Vũ Thị Hồng Nhung	2P-23	3.61	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
13	2307030123	Nguyễn Xuân Nguyệt Tú	2P-23	3.58	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2307030040	Hà Thùy Giang	1P-23	3.53	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,900,000
15	2307030066	Nguyễn Khánh Linh	2P-23	3.51	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2307030015	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2P-23	3.47	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
17	2307030050	Lê Thị Thanh Hoa	4P-23	3.46	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
18	2407030108	Nguyễn Phương Anh	2P-24	3.50	95	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,850,000
19	2407030084	Đinh Thị Hà Phương	1P-24	3.46	89	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,850,000
20	2407030017	Vũ Thu Giang	1P-24	3.43	82	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,850,000
21	2407030015	Nguyễn Mai Phương	4P-24	3.31	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
22	2407030071	Đỗ Ngọc Ánh	4P-24	3.31	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
23	2407030140	Nguyễn Thị Hạnh Trinh	2P-24	3.28	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
24	2407030112	Nguyễn Minh Thu	1P-24	3.25	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
25	2407030126	Dương Thị Thúy	2P-24	3.24	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
26	2407030048	Phạm Nguyễn Châu Anh	1P-24	3.19	82	Tốt	Khá	0	Khá	13,500,000
27	2407030078	Đặng Hoàng Nguyên	2P-24	3.19	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,500,000

9. Ngành ngôn ngữ Anh

1	2207010293	Đỗ Thị Hồng Vân	4A-22	3.91	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207010291	Vũ Thị Huyền Trang	8A-22	3.91	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
3	2207010128	Nguyễn Thanh Lâm	11A-22	3.84	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
4	2207010305	Trần Thị Hải Yến	6A-22	3.83	97	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
5	2207010054	Đào Thùy Dương	1A-22	3.82	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
6	2207010142	Nguyễn Khánh Linh	4A-22	3.81	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
7	2207010032	Vũ Thị Phương Anh	9A-22	3.80	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
8	2207010216	Vũ Thanh Phong	2A-22	3.79	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
9	2207010108	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1A-22	3.78	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
10	2207010148	Phạm Khánh Linh	10A-22	3.77	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
11	2207010262	Nguyễn Thị Thi	10A-22	3.77	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
12	2207010146	Nguyễn Thị Phương Linh	8A-22	3.77	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
13	2207010257	Nguyễn Phương Thảo	6A-22	3.76	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
14	2207010186	Vũ Lê Thục Ngân	5A-22	3.75	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
15	2207010021	Nguyễn Vũ Quang Anh	9A-22	3.75	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
16	2207010027	Phan Tiến Anh	4A-22	3.74	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
17	2207010286	Nguyễn Thị Ngọc Trang	3A-22	3.74	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
18	2207010246	Nguyễn Tuệ Tâm	10A-22	3.73	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
19	2207010282	Khuong Thị Huyền Trang	10A-22	3.73	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
20	2207010004	Bùi Đức Anh	4A-22	3.73	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
21	2207010271	Nguyễn Bích Thùy	2A-22	3.73	78	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
22	2207010199	Nguyễn Bảo Nguyên	6A-22	3.72	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
23	2307010245	Trần Minh Thu	9A-23	4.00	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
24	2307010169	Lê Trần Lê Na	1A-23	3.91	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
25	2307010021	Nguyễn Thục Anh	3A-23	3.84	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
26	2307010219	Nguyễn Hữu Quân	5A-23	3.75	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
27	2307010061	Nguyễn Tuấn Đạt	5A-23	3.74	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
28	2307010056	Nguyễn Bạch Dương	4A-23	3.74	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
29	2307010211	Dương Hà Phương	11A-23	3.74	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
30	2307010019	Nguyễn Thị Lan Anh	5A-23	3.70	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
31	2307010078	Nguyễn Hoàng Hải	3A-23	3.69	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
32	2307010157	Nguyễn Thu Mai	3A-23	3.69	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
33	2307010071	Ngô Diệu Hà	11A-23	3.68	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
34	2307010092	Trịnh Quỳnh Hoa	3A-23	3.68	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
35	2307010258	Nguyễn Thị Kiều Trang	9A-23	3.67	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
36	2307010271	Lê Thanh Trúc	3A-23	3.65	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
37	2307010009	Đào Phương Anh	6A-23	3.61	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
38	2307010065	Bùi Thị Giang	4A-23	3.61	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
39	2307010163	Đường Ngọc Trà My	9A-23	3.59	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
40	2407010064	Trần Bảo Anh	11A-23	3.58	78	Khá	Giỏi	0	Khá	13,900,000
41	2307010020	Nguyễn Thị Phương Anh	4A-23	3.55	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
42	2307010004	Bùi Thị Kim Anh	9A-23	3.55	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
43	2407010141	Vũ Hà Anh	11A-23	3.55	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,900,000
44	2307010045	Phạm Thị Linh Chi	10A-23	3.53	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
45	2307010184	Nguyễn Ngọc Bảo Ngọc	3A-23	3.53	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
46	2307010093	Nguyễn Việt Hoàng	6A-23	3.53	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
47	2407010024	Nguyễn Thị Hà Quyên	1A-24	3.79	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
48	2407010119	Nguyễn Phương Phương	1A-24	3.73	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
49	2407010235	Phạm Hà Phương	4A-24	3.72	85	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
50	2407010165	Nguyễn Anh Bảo Ngân	9A-24	3.71	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
51	2407010170	Đặng Phương Anh	7A-24	3.65	78	Khá	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
52	2407010154	Hoàng Nhật Anh	9A-24	3.64	78	Khá	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
53	2407010069	Hoàng Tiến Hoàn	10A-24	3.62	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
54	2407010259	Phan Thị Ngọc Linh	8A-24	3.61	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
55	2407010083	Trịnh Thu Hương	6A-24	3.60	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
56	2407010233	Trần Khánh Vy	2A-24	3.60	77	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
57	2407010189	Nguyễn Thanh Hương	1A-24	3.59	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,500,000
58	2407010173	Nguyễn Minh Ngọc	8A-24	3.59	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
59	2407010246	Trần Thị Ngọc Huyền	5A-24	3.58	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,500,000
60	2407010013	Anna Jezkova	8A-24	3.58	79	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000
61	2407010267	Lương Khánh Ly	3A-24	3.56	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
62	2407010285	Nguyễn Phương Anh	10A-24	3.54	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
63	2407010060	Lê Minh Châu	2A-24	3.54	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
64	2407010301	Nguyễn Thu Trang	5A-24	3.53	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
65	2407010230	Phạm Thu Trang	7A-24	3.52	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
66	2407010075	Nguyễn Thu Trang	4A-24	3.52	78	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
67	2407010090	Nguyễn Trần Phương Thảo	9A-24	3.50	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,500,000
68	2407010172	Trần Chi Lan	3A-24	3.50	79	Khá	Giỏi	0	Khá	13,500,000

10. Ngành ngôn ngữ Anh tiên tiến

1	2407210070	Bùi Thu Hiền	1A-24TT	3.60	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	21,000,000
2	2407210055	Nguyễn Trường Giang	1A-24TT	3.59	83	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	19,250,000
3	2407210006	Trần Thanh Huyền	1A-24TT	3.52	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,500,000
4	2407210047	Trần Lê Linh Chi	1A-24TT	3.41	74	Khá	Giỏi	0	Khá	17,500,000
5	2407210028	Dương Thị Ngọc Ánh	1A-24TT	3.39	94	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,500,000
6	2407210067	Lê Hương Giang	2A-24TT	3.38	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,500,000

11. Ngành ngôn ngữ Trung Quốc tiên tiến

1	2407240026	Trần Bạch Ngọc Sương	3T-24TT	3.66	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	21,000,000
2	2407240058	Nguyễn Lâm Trinh	2T-24TT	3.64	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	19,250,000
3	2407240071	Nguyễn Thanh Hằng	2T-24TT	3.62	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,500,000
4	2407240046	Lê Hà Phương	1T-24TT	3.61	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,500,000
5	2407240006	Cao Thị Hồng Hạnh	2T-24TT	3.59	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,500,000
6	2407240002	Vũ Triệu Khánh Linh	2T-24TT	3.55	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,500,000
7	2407240047	Nguyễn Phương Anh	2T-24TT	3.54	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,500,000
8	2407240036	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1T-24TT	3.49	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,500,000

12. Ngành ngôn ngữ Trung Quốc chất lượng cao

1	2207140093	Nguyễn Thủy Trang	1T-22C	3.66	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
2	2207140097	Nguyễn Thị Thảo Vân	1T-22C	3.65	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
3	2207140018	Vương Huyền Đan	1T-22C	3.62	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	20,400,000
4	2207140002	Hà Thị Kiều Anh	2T-22C	3.58	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,000,000
5	2207140066	Nguyễn Thị Thu Phương	4T-22C	3.53	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
6	2207140082	Trần Thương Thảo	3T-22C	3.53	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
7	2207140069	Nguyễn Minh Tâm	3T-22C	3.51	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
8	2307140089	Nguyễn Thu Trà	2T-23C	3.72	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
9	2307140010	Lê Văn Cần	2T-23C	3.71	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	20,400,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VNĐ)
10	2307140093	Ngô Thùy Trang	2T-23C	3.67	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
11	2307140050	Nguyễn Kiều Loan	3T-23C	3.66	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
12	2307140031	Trương Thị Minh Hòa	3T-23C	3.61	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
13	2307140102	Ngô Thanh Tú	3T-23C	3.56	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	17,000,000
14	2307140018	Tạ Thị Ngọc Diệp	2T-23C	3.56	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
15	2307140060	Nguyễn Hồng Ngọc	4T-23C	3.47	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000

13. Ngành ngôn ngữ Trung Quốc

1	2207040040	Trần Thị Thùy Dung	4T-22	3.82	80	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
2	2207040027	Nguyễn Kim Chi	5T-22	3.70	89	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207040161	Hoàng Thu Thảo	4T-22	3.70	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
4	2207040070	Nguyễn Thị Kim Hòa	5T-22	3.63	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
5	2207040055	Lê Thị Minh Hào	4T-22	3.59	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
6	2207040211	Dương Xuân Tân	3T-22	3.59	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
7	2207040144	Vũ Hà Phương	4T-22	3.58	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
8	2207040025	Lại Linh Chi	3T-22	3.57	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
9	2207040079	Trần Thị Thanh Huyền	6T-22	3.53	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
10	2207040039	Nguyễn Thị Thùy Dung	3T-22	3.51	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
11	2207040105	Lê Khánh Loan	3T-22	3.51	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
12	2207040197	Đào Thị Thu Uyên	3T-22	3.50	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
13	2207040201	Nguyễn Thị Bích Vân	7T-22	3.49	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2207040076	Mai Thị Thanh Huyền	4T-22	3.48	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
15	2207040141	Vũ Kiều Oanh	2T-22	3.47	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2307040011	Hàn Thị Ngọc Ánh	3T-23	3.90	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
17	2307040118	Đỗ Linh Nhi	3T-23	3.75	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
18	2307040075	Nguyễn Thị Diệu Linh	6T-23	3.70	81	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
19	2307040152	Nguyễn Thu Thủy	6T-23	3.61	80	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
20	2307040039	Trần Thị Hạnh	1T-23	3.19	83	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
21	2307040111	Nguyễn Hồng Ngọc	2T-23	3.06	82	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
22	2307040114	Hà Thảo Nguyên	5T-23	3.06	80	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
23	2307040162	Nguyễn Quỳnh Trang	4T-23	2.75	82	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
24	2307040179	Vương Hiểu Vy	1T-23	2.56	88	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
25	2307040166	Trần Thị Ngọc Trang	2T-23	2.53	76	Khá	Khá	0	Khá	13,900,000
26	2407040127	Phó Thị Huyền Châm	1T-24	3.85	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
27	2407040009	Hoàng Phương Liên	4T-24	3.81	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
28	2407040036	Nguyễn Việt Hà	4T-24	3.79	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
29	2407040080	Hoàng Thị Ngọc Hoa	3T-24	3.79	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
30	2407040114	Nguyễn Phương Nhung	3T-24	3.78	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
31	2407040085	Nghiêm Trà Giang	2T-24	3.78	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
32	2407040109	Trần Thùy Linh	1T-24	3.78	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
33	2407040047	Trần Mai Duyên	3T-24	3.76	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
34	2407040004	Tổng Nguyễn Hải Yến	4T-24	3.74	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
35	2407040169	Lương Yến Nhi	4T-24	3.74	87	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
36	2407040041	Nguyễn Thị Huệ Chi	3T-24	3.71	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
37	2407040126	Nguyễn Lan Anh	6T-24	3.71	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
38	2407040106	Hà Thị Thu Hường	4T-24	3.69	82	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
39	2407040162	Lê Quỳnh Trang	3T-24	3.67	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
40	2407040193	Nguyễn Khánh Huyền	4T-24	3.67	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000

14. Ngành ngôn ngữ Hàn Quốc chất lượng cao

1	2107170089	Nguyễn Xuân Thu	1H-22C	3.79	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
2	2107170030	Nguyễn Thùy Dương	3H-22C	3.69	81	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
3	2107170007	Nguyễn Ngọc Anh	4H-22C	3.67	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
4	2207170025	Nguyễn Thùy Dương	4H-22C	3.65	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	20,400,000
5	2107170003	Đặng Thị Phương Anh	2H-22C	3.60	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
6	2207170063	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	2H-22C	3.60	82	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
7	2207170068	Phạm Khánh Linh	3H-22C	3.57	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
8	2207170100	Vũ Thị Kim Oanh	4H-22C	3.54	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
9	2107170106	Nguyễn Thanh Vân	3H-22C	3.53	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
10	2107170078	Lưu Thị Diễm Quỳnh	4H-22C	3.51	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
11	2207170144	Lương Hải Yến	3H-22C	3.50	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	17,000,000
12	2307170076	Dương Nguyễn Yến Nhi	1H-23C	4.00	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	20,400,000
13	2307170064	Lê Trần Quang Minh	1H-23C	3.97	80	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	18,700,000
14	2307170094	Phạm Thị Thanh Thủy	1H-23C	3.94	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
15	2307170032	Sái Thị Hồng Hạnh	2H-23C	3.91	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
16	2307170028	Lê Hoàng Thanh Hà	1H-23C	3.91	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
17	2307170110	Hà Thị Thanh Trang	1H-23C	3.90	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
18	2307170040	Thiều Gia Huệ	1H-23C	3.88	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000
19	2307170086	Nguyễn Thị Thanh	2H-23C	3.88	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	17,000,000

15. Ngành ngôn ngữ Hàn Quốc

1	2207070057	Nguyễn Thị Trà My	4H-22	3.75	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
2	2207070015	Nguyễn Thùy Dương	4H-22	3.73	88	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207070056	Đào Thị Trà My	3H-22	3.72	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
4	2107070013	Ngô Hải Đăng	1H-22	3.71	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
5	2207070040	Đặng Thị Hương Lan	2H-22	3.65	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
6	2107070042	Lê Diệu Linh	2H-22	3.64	82	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
7	2207070039	Trần Lê Minh Khuê	3H-22	3.63	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
8	2207070021	Nguyễn Thúy Hải	2H-22	3.60	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
9	2207070068	Đặng Thị Hồng Như	2H-22	3.60	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
10	2307070022	Hoàng Thị Hạnh	2H-23	3.82	92	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
11	2307070016	Phạm Thùy Dương	2H-23	3.78	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
12	2307070006	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	2H-23	3.78	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
13	2307070074	Nguyễn Thị Hải Yến	2H-23	3.50	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2307070062	Lê Thị Thương	2H-23	3.46	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
15	2307070059	Trịnh Phú Thịnh	1H-23	3.40	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2407070027	Vũ Thu Hiền	3H-24	3.88	81	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
17	2407070118	Nguyễn Thị Mai	4H-24	3.83	85	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
18	2407070045	Cao Thị Ngọc Hà	5H-24	3.82	85	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
19	2407070036	Phạm Thanh Ngân	1H-24	3.80	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
20	2407070072	Bùi Thị Thu Hồng	3H-24	3.80	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
21	2407070172	Nguyễn Thị Thanh Thùy	3H-24	3.76	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
22	2407070064	Tổng Minh Ngọc	3H-24	3.76	89	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
23	2407070062	Nguyễn Thị Thanh Nga	3H-24	3.76	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
24	2407070165	Nguyễn Thị Ngọc Linh	6H-24	3.74	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
25	2407070041	Nguyễn Quỳnh Anh	5H-24	3.73	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
26	2407070025	Nông Thị Thùy Linh	1H-24	3.71	79	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
27	2407070135	Trần Thị Minh Huệ	1H-24	3.70	87	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
28	2407070028	Hoàng Nguyệt Ánh	3H-24	3.70	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
29	2407070106	Nguyễn Trần Hà My	5H-24	3.67	80	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000

16. Ngành ngôn ngữ Nhật

1	2207060089	Lê Khánh Linh	4NB-22	3.78	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
2	2207060141	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	6NB-22	3.71	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
3	2207060128	Nguyễn Hồng Nhung	5NB-22	3.70	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
4	2207060090	Lê Mỹ Linh	4NB-22	3.69	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
5	2107060039	Đặng Thế Giang	4NB-22	3.57	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
6	2207060066	Lê Thị Thu Hồng	5NB-22	3.55	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
7	2207060009	Lê Phương Anh	2NB-22	3.54	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
8	2207060028	Nguyễn Dương Cẩm	3NB-22	3.52	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
9	2207060140	Nguyễn Thảo Quỳnh	5NB-22	3.52	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
10	2207060118	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	1NB-22	3.50	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
11	2207060047	Nguyễn Tiến Đạt	2NB-22	3.49	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
12	2107060016	Phạm Bảo Anh	5NB-22	3.48	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,900,000
13	2207060077	Hoàng Quỳnh Hương	4NB-22	3.46	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
14	2207060139	Đinh Nguyễn Phương Quỳnh	4NB-22	3.38	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
15	2207060034	Nguyễn Thảo Chinh	3NB-22	3.36	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
16	2307060161	Lương Thị Phương Thuý	5NB-23	3.78	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,680,000
17	2407060092	Nguyễn Ngân Giang	4NB-23	3.64	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
18	2307060121	Vũ Bích Ngọc	4NB-23	3.61	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,290,000
19	2407060069	Nguyễn Hà Khánh Ly	4NB-23	3.57	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	15,290,000
20	2307060031	Lê Thảo Chi	4NB-23	3.55	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
21	2307060145	Vũ Thị Diễm Quỳnh	6NB-23	3.55	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
22	2307060002	Vũ Bình An	5NB-23	3.53	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
23	2307060070	Nguyễn Thanh Huyền	2NB-23	3.53	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
24	2307060092	Nguyễn Phương Khánh Linh	5NB-23	3.23	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
25	2307060180	Trịnh Hoàng Trung	2NB-23	3.22	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,900,000
26	2307060169	Lê Quỳnh Trang	6NB-23	3.20	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,900,000
27	2307060079	Lê Ngọc Lâm	4NB-23	3.17	85	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
28	2307060127	Nguyễn Thị Diệu Nhi	1NB-23	3.16	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,900,000
29	2307060056	Nguyễn Thị Thúy Hằng	4NB-23	3.13	92	Xuất sắc	Khá	0	Khá	13,900,000
30	2407060178	Lê Mạnh Tiến Đạt	6NB-24	3.90	78	Khá	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
31	2407060125	Phan Gia Kỳ	5NB-24	3.87	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,200,000
32	2407060123	Nguyễn Thị Diệu Anh	5NB-24	3.86	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
33	2407060094	Nguyễn Mai Linh	4NB-24	3.85	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	14,850,000
34	2407060105	Nguyễn Phương Uyên	4NB-24	3.84	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
35	2407060136	Nguyễn Thị Ngọc Mai	5NB-24	3.80	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
36	2407060146	Lê Chiêu Anh	5NB-24	3.77	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
37	2407060147	Nguyễn Mai Phương Linh	5NB-24	3.73	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
38	2407060030	Đỗ Thị Lý	1NB-24	3.73	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
39	2407060048	Đặng Hà Vy	2NB-24	3.70	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
40	2407060177	Nguyễn Phương Thảo	6NB-24	3.69	87	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
41	2407060183	Trần Anh Quân	6NB-24	3.65	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000
42	2407060137	Phạm Khánh Linh	5NB-24	3.65	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
43	2407060150	Nguyễn Minh Ngọc	5NB-24	3.62	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,500,000

17. Ngành Quản trị Kinh doanh

1	2204000048	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1K-22	3.80	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,840,000
2	2204000013	Trần Phương Anh	2K-22	3.66	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
3	2204000076	Mạc Nguyễn Bảo Ngọc	2K-22	3.64	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
4	2204000061	Nguyễn Khánh Linh	1K-22	3.48	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
5	2204000088	Nguyễn Như Quỳnh	2K-22	3.42	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
6	2204000036	Ngô Trà Giang	2K-22	3.41	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
7	2204000058	Dương Nguyễn Minh Khuê	3K-22	3.30	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
8	2304000101	Trần Huyền Trang	3K-23	3.68	87	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
9	2304000033	Nguyễn Thu Hiền	3K-23	3.64	96	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,840,000
10	2304000090	Lê Thanh Thảo	2K-23	3.54	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
11	2304000040	Nguyễn Thu Hương	3K-23	3.54	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
12	2304000079	Nguyễn Thị Mai Phương	2K-23	3.52	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
13	2204000059	Phùng Thị Khánh Lê	2K-23	3.26	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
14	2304000109	Lưu Hoài Như Ý	2K-23	3.18	82	Tốt	Khá	0	Khá	13,200,000
15	2404000001	Nguyễn Khánh Linh	1K-24ACN	3.36	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
16	2404000044	Đặng Phương Anh	3K-24ACN	3.36	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
17	2404000034	Dương Thị Thu Thủy	2K-24ACN	3.26	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
18	2404000039	Lê Phương Nhi	1K-24ACN	3.25	72	Khá	Giỏi	0	Khá	12,800,000
19	2304000096	Trần Nguyễn Anh Thư	1K-24ACN	3.23	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
20	2404000072	Bùi Phương Anh	3K-24ACN	3.21	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
21	2404000057	Nguyễn Hoài Thu	2K-24ACN	3.13	85	Tốt	Khá	0	Khá	12,800,000
22	2404000061	Nguyễn Minh Phương	2K-24ACN	3.00	88	Tốt	Khá	0	Khá	12,800,000

18. Ngành Tài chính ngân hàng

1	2204040031	Nghiêm Giang	2TC-22	3.71	84	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
2	2204040030	Đào Thị Hương Giang	3TC-22	3.39	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,520,000
3	2204040067	Nguyễn Khoa Nam	1TC-22	3.34	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
4	2204040035	Ngô Thị Thu Hải	2TC-22	3.28	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,200,000
5	2204040057	Nguyễn Phương Linh	1TC-22	3.27	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,200,000
6	2204040058	Nguyễn Phương Linh	1TC-22	3.26	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
7	2204040092	Lê Thị Thủy	2TC-22	3.18	87	Tốt	Khá	0	Khá	13,200,000
8	2304040087	Mai Thị Thơm	2TC-23	3.62	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
9	2304040065	Tạ Thị Kim Ngân	2TC-23	3.53	82	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,520,000
10	2304040035	Bùi Thị Thu Hoài	3TC-23	3.51	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
11	2304040039	Nguyễn Khánh Huyền	3TC-23	3.48	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
12	2304040034	Quản Nhật Hoa	2TC-23	3.43	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
13	2304040073	Trịnh Yến Nhi	2TC-23	3.34	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
14	2304040019	Nguyễn Mai Duyên	1TC-23	3.33	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
15	2304040043	Trần Thị Thanh Lam	1TC-23	3.30	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
16	2404040087	Hoàng Quốc Văn	3TC-24ACN	3.71	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,080,000
17	2404040082	Lê Huyền Mỹ	3TC-24ACN	3.50	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
18	2404040031	Phạm Thùy Linh	2TC-24ACN	3.50	76	Khá	Giỏi	0	Khá	12,800,000
19	2404040079	Phạm Việt Hoàng	2TC-24ACN	3.43	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
20	2404040035	Nguyễn Khánh Linh	2TC-24ACN	3.40	77	Khá	Giỏi	0	Khá	12,800,000
21	2404040036	Đỗ Thanh Huyền	2TC-24ACN	3.39	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
22	2404040081	Bùi Thị Giang	2TC-24ACN	3.37	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
23	2404040049	Lê Thị Hà Linh	2TC-24ACN	3.37	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000

19. Ngành Kế toán

1	2204010030	Nguyễn Hồng Hạnh	3KT-22	3.96	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
2	2204010029	Ứng Thu Hà	2KT-22	3.91	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,840,000
3	2204010045	Lưu Đàm Khánh Linh	3KT-22	3.71	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
4	2204010096	Đào Thị Trang	3KT-22	3.66	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
5	2204010026	Nguyễn Việt Hà	1KT-22	3.60	88	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
6	2204010075	Nguyễn Thị Phương	3KT-22	3.59	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
7	2204010028	Phạm Việt Hà	3KT-22	3.51	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
8	2304010074	Bùi Thị Yến Nhi	2KT-23	3.78	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
9	2304010030	Nguyễn Hương Giang	2KT-23	3.71	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,840,000
10	2304010084	Đỗ Như Quỳnh	1KT-23	3.64	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
11	2404010084	Trần Đỗ Ngọc Linh	1KT-23	3.62	78	Khá	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
12	2304010010	Nguyễn Thị Lan Anh	2KT-23	3.51	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
13	2304010026	Ngô Thị Ánh Dương	1KT-23	3.50	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
14	2304010017	Nguyễn Thị Hồng Ánh	1KT-23	3.45	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
15	2304010014	Phạm Thị Phương Anh	1KT-23	3.44	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
16	2404010014	Nguyễn Thị Minh Ánh	1KT-24ACN	3.60	81	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,080,000
17	2404010072	Nguyễn Thị Trà My	2KT-24ACN	3.45	80	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
18	2404010080	Đỗ Thị Thùy Linh	1KT-24ACN	3.33	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
19	2404010004	Nguyễn Mai Trang	1KT-24ACN	3.31	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
20	2404010032	Lê Hương Giang	1KT-24ACN	3.26	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
21	2404010106	Lưu Bảo Khánh Ngọc	3KT-24ACN	3.25	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
22	2404010043	Tạ Thị Giang	2KT-24ACN	3.15	80	Tốt	Khá	0	Khá	12,800,000
23	2404010103	Ngô Thúy Hiền	3KT-24ACN	3.06	77	Khá	Khá	0	Khá	12,800,000
24	2404010035	Ninh Thị Ngọc Huyền	1KT-24ACN	3.00	77	Khá	Khá	0	Khá	12,800,000

20. Ngành Quốc tế học

1	2206080029	Nguyễn Thị Thanh Dung	4Q-22	3.64	94	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,720,000
2	2206080024	Đỗ Linh Chi	2Q-22	3.55	89	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,410,000
3	2206080040	Nguyễn Hương Giang	1Q-22	3.46	83	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,410,000
4	2306080077	Nguyễn Việt Hà My	1Q-22	3.38	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,100,000
5	2206080013	Nguyễn Hồng Anh	2Q-22	3.38	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
6	2206080092	Bùi Thị Hồng Nhung	1Q-22	3.34	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
7	2206080066	Hoàng Thùy Linh	1Q-22	3.33	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
8	2206080033	Hoàng Thị Thuỳ Dương	3Q-22	3.33	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,100,000
9	2206080085	Trần Thị Ly	2Q-22	3.33	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,100,000
10	2306080093	Nguyễn Hồng Nhung	2Q-23	3.59	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,410,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
11	2306080118	Nguyễn Quỳnh Trang	2Q-23	3.57	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,410,000
12	2306080060	Nguyễn Ngọc Linh	2Q-23	3.41	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
13	2306080030	Lê Thị Hạnh	1Q-23	3.41	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
14	2206080016	Phùng Thùy Anh	1Q-23	3.38	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,100,000
15	2306080052	Bùi Ngọc Bảo Linh	3Q-23	3.32	95	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,100,000
16	2306080032	Vũ Đức Hạnh	1Q-23	3.15	85	Tốt	Khá	0	Khá	13,100,000
17	2306080048	Đàm Thu Hường	3Q-23	3.12	93	Xuất sắc	Khá	0	Khá	13,100,000
18	2306080013	Nguyễn Hồng Ánh	1Q-23	3.12	76	Khá	Khá	0	Khá	13,100,000
19	2406080067	Nguyễn Hà Quang Minh	3Q-24ACN	3.67	99	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,360,000
20	2406080085	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	3Q-24ACN	3.53	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
21	2406080087	Nguyễn Ngọc Hân	3Q-24ACN	3.53	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
22	2406080077	Nguyễn Cao Phi	1Q-24ACN	3.50	77	Khá	Giỏi	0	Khá	12,800,000
23	2406080076	Đặng Nhật Ánh	3Q-24ACN	3.48	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
24	2406080032	Nguyễn Xuân Mai	2Q-24ACN	3.46	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
25	2406080009	Nguyễn Quỳnh Nga	1Q-24ACN	3.44	79	Khá	Giỏi	0	Khá	12,800,000
26	2406080050	Hà Nhật Linh	1Q-24ACN	3.43	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
27	2406080016	Lê Hoàng Thảo Nguyên	1Q-24ACN	3.29	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000

21. Ngành Nghiên cứu phát triển

1	2206060038	Kiều Minh Tâm	1NC-22	3.58	79	Khá	Giỏi	0	Khá	13,100,000
2	2206060042	Phạm Ngọc Thảo	1NC-22	3.54	82	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,410,000
3	2206060019	Phạm Ngọc Hương	1NC-22	3.51	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,100,000
4	2206060027	Hồ Thị Ly	2NC-22	3.49	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
5	2306060018	Nguyễn Thị Huế	1NC-23	3.69	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,410,000
6	2306060052	Nguyễn Quang Vinh	1NC-23	3.62	86	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,100,000
7	2306060006	Nguyễn Thị Vân Anh	1NC-23	3.32	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,100,000
8	2306060032	Nguyễn Thị Nhật Minh	2NC-23	3.27	92	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,100,000
9	2406060015	Ngô Thục Anh	1NC-24ACN	3.50	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
10	2406060006	Đoàn Thị Khuyến Thiện	1NC-24ACN	3.43	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
-----	--------------	-----------	-----	------------	---------	------------	-------------	----	---------	---------------

22. Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

1	2106090028	Vũ Minh Hoa	1D-22	3.50	80	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,740,000
2	2206090002	Nguyễn Quỳnh Anh	2D-22	3.47	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,740,000
3	2206090056	Bùi Phương Linh	1D-22	3.36	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
4	2206090029	Nguyễn Hoàng Đăng	1D-22	3.36	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
5	2206090088	Trần Thanh Thiêm	1D-22	3.31	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
6	2206090031	Nguyễn Tạ Đăng Giáp	1D-22	3.31	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
7	2206090016	Nguyễn Thị Mai Chi	3D-22	3.31	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
8	2306090007	Nguyễn Thị Lan Anh	1D-23	3.59	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,740,000
9	2306090041	Đỗ Thị Mai Linh	1D-23	3.34	81	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,740,000
10	2306090079	Nguyễn Thị Vượng	2D-23	3.33	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
11	2306090073	Vũ Minh Trang	2D-23	3.27	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
12	2306090049	Phạm Ngọc Mai	3D-23	3.20	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,400,000
13	2306090001	Trần Hà An	3D-23	3.17	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,400,000
14	2306090037	Bùi Thị Ngọc Khánh	3D-23	3.17	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,400,000
15	2406090033	Nguyễn Lê Thảo	1D-24ACN	3.39	77	Khá	Giỏi	0	Khá	12,900,000
16	2406090042	Lý Trần Đan Lê	1D-24ACN	3.35	77	Khá	Giỏi	0	Khá	12,900,000
17	2406090076	Đinh Hữu Việt	2D-24ACN	3.33	81	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,190,000
18	2406090057	Lê Thị Bình Minh	2D-24ACN	3.00	79	Khá	Khá	0	Khá	12,900,000
19	2406090079	Nguyễn Ngọc Duyên	2D-24ACN	2.98	79	Khá	Khá	0	Khá	12,900,000
20	2406090050	Vũ Hương Ly	2D-24ACN	2.96	79	Khá	Khá	0	Khá	12,900,000
21	2406090020	Phạm Ngọc Linh	1D-24ACN	2.95	78	Khá	Khá	0	Khá	12,900,000

23. Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành chất lượng cao

1	2206190020	Nguyễn Văn Khánh Linh	2D-22C	3.23	89	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	18,700,000
2	2206190013	Trần Thị Hương Giang	1D-22C	3.12	77	Khá	Khá	0	Khá	17,000,000
3	2206190031	Hoàng Hạnh Nhung	1D-22C	3.10	78	Khá	Khá	0	Khá	17,000,000
4	2206190052	Nguyễn Thị Vân Anh	2D-22C	3.03	82	Tốt	Khá	0	Khá	17,000,000
5	2306190026	Nguyễn Hữu Hải	2D-23C	3.13	80	Tốt	Khá	0	Khá	17,000,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
6	2306190039	Phạm Thị Mai Lan	3D-23C	3.12	84	Tốt	Khá	0	Khá	17,000,000
7	2306190084	Nguyễn Thị Hoàng Yến	3D-23C	3.06	76	Khá	Khá	0	Khá	17,000,000
8	2306190032	Lê Thanh Huyền	2D-23C	3.05	82	Tốt	Khá	0	Khá	17,000,000
9	2306190033	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1D-23C	2.85	79	Khá	Khá	0	Khá	17,000,000

24. Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tiên tiến

1	2406290063	Lê Hoàng Việt Tiến	2D-24TTACN	3.33	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	20,570,000
2	2406290027	Nguyễn Quỳnh Trang	2D-24TTACN	3.28	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	20,570,000
3	2406290017	Quản Hương Giang	1D-24TTACN	3.08	85	Tốt	Khá	0	Khá	18,700,000
4	2406290003	Nguyễn Trần Huyền Anh	2D-24TTACN	3.06	81	Tốt	Khá	0	Khá	18,700,000
5	2406290067	Nguyễn Thùy Linh	2D-24TTACN	3.05	82	Tốt	Khá	0	Khá	18,700,000
6	2406290076	Nguyễn Chúc Anh	1D-24TTACN	3.00	98	Xuất sắc	Khá	0	Khá	18,700,000
7	2406290011	Phạm Khánh Vy	1D-24TTACN	3.00	86	Tốt	Khá	0	Khá	18,700,000

25. Ngành Công nghệ thông tin

1	2201040096	Lê Khánh Linh	6C-22	3.82	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
2	2201040138	Phạm Yến Nhi	6C-22	3.81	87	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
3	2201040018	Nguyễn Gia Bảo	2C-22	3.79	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,560,000
4	2201040123	Đặng Lê Ngân	7C-22	3.72	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
5	2201040167	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	5C-22	3.66	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,800,000
6	2201040060	Lê Minh Hằng	2C-22	3.65	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,800,000
7	2201040124	Lê Kim Ngân	6C-22	3.60	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	13,800,000
8	2201040131	Nguyễn Thị Bích Ngọc	6C-22	3.59	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
9	2101040075	Trần Thị Giang	2C-22	3.59	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
10	2201040080	Trần Đình Hùng	7C-22	3.59	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,800,000
11	2201040098	Nguyễn Hương Linh	5C-22	3.58	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
12	2201040130	Nguyễn Bích Ngọc	7C-22	3.56	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
13	2201040151	Trần Đình Quân	7C-22	3.56	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
14	2201040188	Nguyễn Thị Vàng	6C-22	3.53	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
15	2201040144	Nguyễn Thị Bích Phượng	6C-22	3.45	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
16	2201040199	Nguyễn Anh Vũ	5C-22	3.45	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
17	2301040204	Nguyễn Thị Hạ Vy	2C-23	3.74	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	16,560,000
18	2301040181	Nguyễn Mai Trang	2C-23	3.64	87	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
19	2301040160	Nguyễn Quán Quế	6C-23	3.63	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
20	2301040174	Nguyễn Thu Thủy	6C-23	3.53	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	15,180,000
21	2301040103	Phạm Huyền Linh	2C-23	3.53	89	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
22	2301040016	Phạm Gia Bảo	1C-23	3.49	76	Khá	Giỏi	0	Khá	13,800,000
23	2301040090	Trần Nam Khánh	1C-23	3.42	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
24	2301040142	Nguyễn Minh Nguyệt	6C-23	3.35	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
25	2301040154	Trần Quỳnh Phương	2C-23	3.28	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,800,000
26	2301040187	Lê Đức Trung	4C-23	3.24	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,800,000
27	2301040002	Đào Quang Thái Anh	1C-23	3.19	77	Khá	Khá	0	Khá	13,800,000
28	2301040028	Trần Tuấn Cường	2C-23	3.18	87	Tốt	Khá	0	Khá	13,800,000
29	2301040065	Phùng Thị Hiền	3C-23	3.18	81	Tốt	Khá	0	Khá	13,800,000
30	2301040136	Trần Thị Ngân	2C-23	3.15	86	Tốt	Khá	0	Khá	13,800,000
31	2401040122	Đoàn Tuấn Phong	4C-24ACN	3.55	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
32	2401040178	Trần Lê Minh Hiếu	6C-24ACN	3.50	79	Khá	Giỏi	0	Khá	13,300,000
33	2401040081	Nguyễn Việt Trung	1C-24ACN	3.40	80	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
34	2401040123	Trương Thị Thu Phương	4C-24ACN	3.39	87	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
35	2401040176	Nguyễn Thị Mai Phương	6C-24ACN	3.33	78	Khá	Giỏi	0	Khá	13,300,000
36	2401040132	Nguyễn Trung Hiếu	5C-24ACN	3.30	78	Khá	Giỏi	0	Khá	13,300,000
37	2401040111	Mai Nguyễn Việt Anh	3C-24ACN	3.28	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
38	2401040067	Trần Duy Thái	3C-24ACN	3.26	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
39	2401040092	Trần Mạnh Tùng	2C-24ACN	3.21	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
40	2401040117	Vy Hải Đăng	4C-24ACN	3.21	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,300,000
41	2401040050	Nguyễn Khánh Hưng	2C-24ACN	3.20	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,300,000
42	2401040084	Đỗ Phương Linh	3C-24ACN	3.20	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
43	2401040165	Nguyễn Hoàng Thái	3C-24ACN	3.20	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
44	2401040109	Đỗ Xuân Phương	4C-24ACN	3.20	77	Khá	Giỏi	0	Khá	13,300,000
45	2401040096	Nguyễn Đình Nam Khánh	3C-24ACN	3.15	85	Tốt	Khá	0	Khá	13,300,000
46	2401040012	Nguyễn Minh Khôi	1C-24ACN	3.07	86	Tốt	Khá	0	Khá	13,300,000

26. Ngành Công nghệ thông tin chất lượng cao

1	2201140077	Nguyễn Thành Tâm	2C-22C	3.66	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	23,640,000
2	2201140100	Hồ Viết Vĩnh	2C-22C	3.46	89	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	21,670,000
3	2201140040	Lý Duy Hưng	1C-22C	3.39	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	19,700,000
4	2201140059	Vũ Hoài Nhi	3C-22C	3.39	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	19,700,000
5	2201140067	Nguyễn Thanh Phương	3C-22C	3.39	75	Khá	Giỏi	0	Khá	19,700,000
6	2201140075	Bạch Đăng Trường Sơn	3C-22C	3.38	93	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	19,700,000
7	2201140061	Trần Thị Kim Oanh	3C-22C	3.36	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	19,700,000
8	2301140032	Nguyễn Minh Hiền	3C-23C	3.60	83	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	21,670,000
9	2301140104	Vũ Thị Xuân	1C-23C	3.60	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	21,670,000
10	2301140013	Tô Kim Chi	1C-23C	3.54	84	Tốt	Giỏi	0	Khá	19,700,000
11	2301140084	Lê Như Quỳnh	1C-23C	3.49	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	19,700,000
12	2301140056	Phùng Nguyễn Khánh Linh	3C-23C	3.48	76	Khá	Giỏi	0	Khá	19,700,000
13	2301140105	Nguyễn Thị Kim Yến	1C-23C	3.44	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	19,700,000
14	2301140080	Trần Thị Bích Phượng	3C-23C	3.43	76	Khá	Giỏi	0	Khá	19,700,000

27. Ngành Công nghệ thông tin tiên tiến

1	2401240051	Đỗ Đại Dương	2C-24TTACN	3.40	80	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	22,550,000
2	2401240050	Nguyễn Thùy Anh	2C-24TTACN	3.35	76	Khá	Giỏi	0	Khá	20,500,000
3	2401240057	Trịnh Chí Dũng	2C-24TTACN	3.29	77	Khá	Giỏi	0	Khá	20,500,000
4	2401240034	Phạm Bảo Ngọc	2C-24TTACN	3.22	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	22,550,000
5	2401240063	Đặng Đình Bảo Sơn	2C-24TTACN	3.15	93	Xuất sắc	Khá	0	Khá	20,500,000
6	2401240007	Đỗ Duy Thái	1C-24TTACN	3.11	77	Khá	Khá	0	Khá	20,500,000
7	2401240045	Trương Đăng Sơn Tùng	3C-24TTACN	3.00	79	Khá	Khá	0	Khá	20,500,000
8	2401240110	Nguyễn Nhật Nam	3C-24TTACN	3.00	76	Khá	Khá	0	Khá	20,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
-----	--------------	-----------	-----	------------	---------	------------	-------------	----	---------	---------------

28. Ngành Marketing

1	2204050021	Trần Ánh Dương	1M-22	3.70	86	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	14,520,000
2	2204050035	Nguyễn Thị Hường	3M-22	3.54	80	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,520,000
3	2204050048	Nguyễn Hà Ngân	1M-22	3.48	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
4	2204050043	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1M-22	3.48	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
5	2204050078	Sái Ngọc Vy	2M-22	3.48	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
6	2204050025	Lê Thị Hương Giang	1M-22	3.45	94	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
7	2304050034	Nguyễn Thị Lan	2M-23	3.86	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	15,840,000
8	2304050030	Lê Thị Thanh Hường	3M-23	3.74	85	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	13,200,000
9	2304050031	Dương Kim Khánh	3M-23	3.59	87	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
10	2404050066	Lê Thu Vân	1M-23	3.58	94	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	13,200,000
11	2304050012	Lê Ngọc Ánh	3M-23	3.54	85	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
12	2304050073	Hồ Tổ Uyên	2M-23	3.45	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,200,000
13	2404050045	Bùi Thúy Hà	2M-24ACN	3.50	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
14	2404050003	Hoàng Nhật Quỳnh	1M-24ACN	3.46	87	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,080,000
15	2404050028	Trần Đức Nhật Minh	1M-24ACN	3.45	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
16	2404050056	Hoàng Mai Anh	3M-24ACN	3.43	96	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
17	2404050017	Lê Lan Anh	1M-24ACN	3.39	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Khá	12,800,000
18	2404050058	Đoàn Thị Đan Lê	3M-24ACN	3.39	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000
19	2404050059	Trần Mai Anh	3M-24ACN	3.38	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	12,800,000

29. Ngành truyền thông đa phương tiện

1	2201060058	Phạm Thị Phương Thanh	2TD-22	3.62	85	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	15,180,000
2	2301060019	Lê Thanh Hằng	1TD-22	3.59	78	Khá	Giỏi	0	Khá	13,800,000
3	2201060045	Nguyễn Trà My	2TD-22	3.58	91	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	15,180,000
4	2201060035	Nguyễn Khánh Linh	3TD-22	3.57	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
5	2201060069	Nguyễn Phương Trang	1TD-22	3.56	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
6	2201060011	Nguyễn Nhật Ánh	1TD-22	3.56	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
7	2301060052	Kiều Quang Phúc	1TD-23	3.42	82	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	15,180,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
8	2301060022	Nguyễn Huy Hoàng	2TD-23	3.33	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
9	2301060058	Nguyễn Thị Quyên	1TD-23	3.26	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
10	2301060010	Lê Thị Quỳnh Chi	1TD-23	3.26	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
11	2301060050	Phạm Yến Nhi	3TD-23	3.26	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,800,000
12	2401060056	Mạc Anh Kỳ	1TD-24ACN	3.55	90	Xuất sắc	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
13	2401060001	Nguyễn Linh Chi	1TD-24ACN	3.54	87	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	14,630,000
14	2401060087	Ngô Thị Lan Anh	1TD-24ACN	3.50	83	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
15	2401060053	Trịnh Thanh Trang	2TD-24ACN	3.45	88	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
16	2401060091	Ngô Khánh Linh	2TD-24ACN	3.43	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
17	2401060088	Chu Khánh Huyền	3TD-24ACN	3.43	81	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000
18	2401060089	Lê Thị Vân Anh	3TD-24ACN	3.41	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	13,300,000

30. Ngành Công nghệ tài chính

1	2404060057	Nguyễn Quang Hào	2CT-24ACN	3.53	86	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	15,400,000
2	2404060065	Phan Văn Nhi	2CT-24ACN	3.39	85	Tốt	Giỏi	0	Giỏi	15,400,000
3	2404060034	Vũ Minh Thư	1CT-24ACN	3.33	86	Tốt	Giỏi	0	Khá	14,000,000
4	2404060019	Đỗ Hương Giang	1CT-24ACN	3.33	82	Tốt	Giỏi	0	Khá	14,000,000
5	2404060048	Nguyễn Thị Hải Linh	2CT-24ACN	3.04	90	Xuất sắc	Khá	0	Khá	14,000,000
6	2404060056	Phùng Thị Thảo Vân	2CT-24ACN	3.00	85	Tốt	Khá	0	Khá	14,000,000

31. Ngành Truyền thông doanh nghiệp

1	2201000031	Hồ Tuấn Kiên	2TT-22	3.90	97	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	18,360,000
2	2201000015	Nguyễn Thị Anh Đào	2TT-22	3.78	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
3	2201000054	Hoàng Minh Quân	1TT-22	3.75	93	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
4	2201000037	Ngô Ngọc Thùy Linh	2TT-22	3.75	84	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
5	2301000006	Nguyễn Phan Hà Anh	1TT-23	3.87	91	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Xuất sắc	18,360,000
6	2301000019	Vũ Thái Hoàng	2TT-23	3.74	90	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
7	2401000040	Nguyễn Quỳnh Thy	1TT-23	3.73	79	Khá	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
8	2301000025	Nguyễn Đức Hữu	1TT-23	3.71	81	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000
9	2301000051	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	2TT-23	3.69	95	Xuất sắc	Xuất sắc	0	Khá	15,300,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Kết quả RL	Xếp loại HT	Nợ	HB loại	Số tiền (VND)
10	2401000017	Nguyễn Ngọc Oanh	1TT-24	3.87	82	Tốt	Xuất sắc	0	Giỏi	16,500,000
11	2401000031	Vũ Bình Giang	1TT-24	3.65	83	Tốt	Xuất sắc	0	Khá	15,000,000
12	2401000008	Vũ Yến My	1TT-24	3.50	80	Tốt	Giỏi	0	Khá	15,000,000
TỔNG										9,384,810,000

Danh sách gồm: 637 sinh viên

Bằng chữ: Chín tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, tám trăm mười nghìn đồng.

Ghi chú:

- Nhà trường chuyển khoản tiền học bổng cho sinh viên qua tài khoản ngân hàng

- Đối với sinh viên Khóa 2024 thuộc Khoa tiếng Anh chuyên ngành, Quỹ học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2024-2025 đã bao gồm Quỹ học bổng của kỳ II và kỳ III

PHÒNG CTSV VÀ QHĐN 


Đỗ Quốc Đạt

PHÒNG TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN 


Trần Thị Thu Huệ

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Trào